

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 50/NQ-CP, ngày 17/4/2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Nghị quyết số 04/TU, ngày 02/4/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 2429/KH-UBND ngày 29/03/2019 kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk, phiên bản 2.0;

Công văn số 3211/UBND-KGVX, ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Công văn số 591/STTTT-CNTT, ngày 29/4/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Công văn số 1227/SNN-KHTC, ngày 4/5/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 lĩnh vực NN&PTNT.

Để chủ động thực hiện đạt hiệu quả việc Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Chi cục Trồng trọt và BVTV xây dựng kế hoạch Chuyển đổi số trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh như sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2030, chuyển đổi số trong lĩnh vực Trồng trọt và BVTV được đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh, hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tối đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh của người dân.

- Phân công thực hiện nội dung cụ thể từng nhiệm vụ của Chi cục Trồng trọt và BVTV nhằm đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch chuyển đổi số. Chủ động thực hiện hiệu quả các giải pháp chuyển đổi số trong lĩnh vực Trồng trọt và BVTV giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao nhận thức cho người dân về chuyển đổi số trong lĩnh vực Trồng trọt và BVTV, đồng thời nêu cao tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức của Chi cục và các đơn vị liên quan.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% dịch vụ công trực tuyến của đơn vị được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động:

+ Tự động một phần công tác kiểm soát tính đầy đủ về mặt hồ sơ đối với các dịch vụ hành chính công của chi cục TTBBVT → khi người dân nộp hồ sơ online → đưa ra cảnh báo nếu nộp thiếu hồ sơ.

- 100% văn bản của đơn vị là văn bản điện tử và được trao đổi qua mạng; truy cập được trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. Áp dụng công nghệ thông tin để rút ngắn thời gian gửi, nhận, xử lý các báo cáo thường xuyên, định kỳ trong lĩnh vực nông nghiệp (*trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước*):

+ Số hóa công tác báo cáo từ các trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật, các Phòng Nông nghiệp huyện và Phòng Kinh tế TX, TP.

+ Sử dụng chữ ký số cho từng đầu mối, cá nhân có liên quan.

+ Tự động nhắc nhở các đầu mối: các trạm, trại các Phòng Nông nghiệp, kinh tế đối với các báo cáo định kỳ: đối với lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật → Tự động lọc, thống kê dựa trên dữ liệu, báo cáo từ các bộ phận → tổng hợp thành báo cáo tổng hợp (có thể tự động cập nhật trên website của chi cục Trồng trọt và BVTV).

- 90% hồ sơ công việc tại đơn vị; 80% hồ sơ công việc tại các Trạm cấp huyện trực thuộc đơn vị được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

- Ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý hành chính (*tổ chức họp trực tuyến, sử dụng phần mềm Nhóm (Zalo) để trực tiếp chỉ đạo, điều hành trong công việc...*);

- Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý cán bộ, tài chính – kế toán (*sử dụng hệ thống quản lý hồ sơ và đánh giá CB, CC, VC của tỉnh, phần mềm kế toán Misa...*);

- Hoạt động kiểm tra về TTHC đối với các cơ sở kinh doanh thuốc BVTV, phân bón được thực hiện thông qua môi trường số (*dựa trên hệ thống thông tin của đơn vị*);

- 100% chế độ báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp thống kê về lĩnh vực Trồng trọt và BVTV được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống thông tin lưu trữ của đơn vị;

- Các cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ với các đơn vị Sở, Ngành trong tỉnh cũng như với các đơn vị khác ở Trung Ương;

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phấn đấu phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghệ cao và bền vững, đặc biệt chú trọng nông nghiệp thông minh;

- Xây dựng, triển khai các trạm quan trắc, giám sát sâu bệnh tự động tại một số vùng chuyên canh cây có giá trị cao → tự động báo cáo về chi cục Trồng trọt và BVTV về mật độ sâu bệnh → phục vụ công tác dự tính dự báo một cách nhanh nhất tình hình sâu bệnh đối với các nhóm cây chủ lực.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Xây dựng hệ thống dữ liệu về Trồng trọt và BVTV qua đó thúc đẩy việc cung cấp thông tin để người dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng;

- Phổ cập các thiết bị nông nghiệp công nghệ cao để tự động hóa một số quy trình sản xuất phù hợp với điều kiện sản xuất của từng địa phương;

3. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

a) Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% hồ sơ công việc tại đơn vị cũng như tại các Trạm cấp huyện trực thuộc đơn vị được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

- Hoàn thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng lưu trữ kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các đơn vị Sở, Ngành trong tỉnh cũng như với các đơn vị khác ở Trung Ương; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp và người dân truy cập;

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghệ cao và bền vững, nông nghiệp thông minh đạt tỷ trọng cao trong nền kinh tế nông nghiệp của tỉnh;

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- 100% các xã có hạ tầng cơ sở, thiết bị công nghệ cao, tự động hóa một phần quy trình sản xuất trồng trọt;

- Phổ cập dịch vụ kinh doanh, buôn bán các mặt hàng nông sản, VTNN trên môi trường internet an toàn và hiệu quả;

- Tỷ lệ nông dân có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

a) Nội dung thực hiện

1. Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chú trọng nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

2. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương. Ứng dụng IoT để hỗ trợ theo dõi, giám sát và hỗ trợ tự động hóa quá trình canh tác, sản xuất nông nghiệp.

3. Triển khai ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm đối với lĩnh vực Trồng trọt và BVTV, các sản phẩm OCOP liên quan đến lĩnh vực TTBBVT, sản phẩm nông nghiệp đặc sản, những sản phẩm đã ứng dụng các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, mã vùng trồng của tỉnh.

4. Điều tra hiện trạng: Điều tra đánh giá thực trạng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin (mạng 3G, 4G, 5G và Internet...); nguồn lực con người từ: (Thôn: hệ thống khuyến nông được trả phụ cấp từ nguồn ngân sách nhà nước; Xã: cán bộ phụ trách nông nghiệp, địa chính xã, Hội nông dân xã, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên; Huyện: Phòng Nông nghiệp, Trạm khuyến nông, Trạm Trồng trọt và BVTV, Trạm Thú y, Hội nông dân huyện, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ huyện); Nguồn lực kinh phí (nguồn kinh phí từ TW, tỉnh, huyện ưu tiên lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án từ các nguồn vốn khác nhau để thực hiện) đây là nguồn lực để triển khai chuyển đổi số ngành nông nghiệp.

5. Thu thập được cơ sở liệu cơ bản về sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh:

- Về đất canh tác: số hóa được các thửa đất canh tác với các thông tin người sử dụng, diện tích, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ đó khoanh vùng, xác định được loại đất thích hợp để đầu tư hợp lý

- Về cây trồng: Xác định được số lượng cây trồng, loại cây trồng/đơn vị diện tích đã được số hóa, từ đó ngành nông nghiệp từ cấp tỉnh, huyện, xã xác định được các vùng trồng tập trung, vùng chuyên canh đối với các loại cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả và các cây trồng khác

- Về sản phẩm mã số vùng trồng và sản phẩm OCOP liên quan đến lĩnh vực Trồng trọt: Số hóa các sản phẩm từ khâu sản xuất đến chứng nhận.

6. Đối với cây cà phê chuyển đổi số thông qua ứng dụng phần mềm quản lý ngành hàng cà phê thuộc Đề án xây dựng phần mềm quản lý ngành hàng cà phê.

7. Đối với cây ăn quả ứng dụng chuyển đổi số thông qua Đề án quản lý mã vùng trồng (Thuộc đề án xây dựng mã vùng trồng đối với cây công nghiệp và cây ăn quả chủ lực, đề án này mới bảo vệ đề cương, chưa được phê duyệt chính thức).

b) Giải pháp thực hiện

+ Chuyển đổi nhận thức

- Tổ chức phổ biến Nghị quyết số 04 –NQ/TU quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh

nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ của tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới vì 3 mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

- Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chia sẻ, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

- Mỗi huyện, thị xã, thành phố chủ động lựa chọn một đơn vị cấp xã để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân, ghi chép nhật ký nông hộ.

+ Đào tạo nâng cao năng lực

- Đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số để các chuyên gia này tiếp tục đào tạo lại cho cán bộ liên quan ở các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức.

- Đào tạo cán bộ: Tổ chức các lớp đào tạo nhận thức cho cán bộ làm công tác quản lý từ tỉnh đến cấp xã, thôn về: cách thu thập dữ liệu, quản lý cơ sở dữ liệu, cách sử dụng phần mềm; Xây dựng tài liệu, video hướng dẫn sử dụng phần mềm để đào tạo cho các đội ngũ cán bộ sử dụng; Đào tạo sử dụng phần mềm điện thoại Smartphone cho người dùng nhật ký nông hộ điện tử thành thạo để hướng dẫn cho người dân.

- Tổ chức đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người lao động (nông dân) trên địa bàn tỉnh về các kỹ năng sử dụng phần mềm, nhập cơ sở dữ liệu, cách ghi chép sổ nhật ký điện tử, cách tính toán hiệu quả kinh tế...

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi số

- Phát triển hạ tầng mạng di động 5G; nâng cấp mạng di động 4G; triển khai các giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến

- Chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

+ Cơ chế chính sách

Nhà nước có chính sách hỗ trợ để thực hiện chuyển đổi số cho ngành nông nghiệp từ nâng cao năng lực, trang bị công nghệ, con người để hỗ trợ cho nông dân, HTX, DN tham gia chuyển đổi số

c) Đơn vị thực hiện

- Các đơn vị trực thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Đắk Lắk

d) Đơn vị phối hợp

- Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật, các Trung tâm trực thuộc Cục và các Viện nghiên cứu khoa học về Nông nghiệp.

- Sở Nông nghiệp và PTNT, các đơn vị trực thuộc Sở và các Sở, ban ngành khác có liên quan.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk.

- Các Công ty, doanh nghiệp, HTX thuộc lĩnh vực TTBVTV.

- Hệ thống chứng thực tỉnh Đắk Lắk (*Idesk*).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách Trung ương bổ sung Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin (thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia);

- Ngân sách địa phương (chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên);

- Lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, nhiệm vụ liên quan;

- Lồng ghép kinh phí từ nguồn vốn của các đề án, dự án, chương trình,... đã được phê duyệt để triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch này.

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện; tăng cường huy động vốn từ ngân sách địa phương, các nguồn huy động hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của doanh nghiệp và người dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Hành chính, Tổng hợp

- Giao phòng Hành chính, Tổng hợp chủ trì triển khai thực hiện kế hoạch này và định kỳ tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện để gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo UBND tỉnh.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các phòng, bộ phận thuộc Chi cục triển khai thực hiện đúng kế hoạch đề ra.

Định kỳ 6 tháng, 1 năm các phòng, trạm, trại tiến hành đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện, trong đó nêu rõ việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên

nhân và đề xuất giải pháp thực hiện gửi về phòng Hành chính, Tổng hợp để tổng hợp báo cáo.

2. Phòng Bảo vệ thực vật

- Tăng cường công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật, kiểm soát chặt chẽ quy trình quản lý và phòng trừ sâu bệnh hại theo Tiêu chuẩn quốc gia để đảm bảo đầu ra cho sản phẩm đạt chứng nhận nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống và ứng phó thảm họa dịch bệnh trên cây trồng bằng phương thức chuyển đổi số nhằm chủ động khi có dịch bệnh xảy ra.

- Thực hiện công tác quản lý về Trồng trọt bằng dữ liệu số, chia sẻ kết nối các dữ liệu đó cho các bộ phận trong đơn vị cũng như ngoài đơn vị.

- Tham mưu, tổng hợp việc chuyển đổi số liên quan đến lĩnh vực BVTV

2. Phòng Trồng trọt:

- Khảo sát, lựa chọn xác định vùng sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn công nghệ cao, nông nghiệp thông minh đối với một số sản phẩm cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế thành phố/thị xã tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng và đề xuất hình thành vùng sản xuất trồng trọt tập trung áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến trên địa bàn tỉnh.

- Định hướng phát triển vùng sản xuất trồng trọt công nghệ cao, nông nghiệp thông minh cho từng địa phương gắn với thị trường tiêu thụ, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm.

- Phổ biến và ứng dụng các thiết bị trồng trọt công nghệ cao đến nông dân sản xuất trồng trọt.

- Thực hiện công tác quản lý về Trồng trọt bằng dữ liệu số, chia sẻ kết nối các dữ liệu đó cho các bộ phận trong đơn vị cũng như ngoài đơn vị.

- Tham mưu, tổng hợp thực việc chuyển đổi số liên quan đến lĩnh vực trồng trọt.

3. Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa:

- Phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật thực hiện cấp mã vùng trồng cho cây cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả, lúa, rau,... để truy xuất nguồn gốc, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm.

- Thực hiện công tác quản lý về Kiểm dịch thực vật bằng dữ liệu số, chia sẻ kết nối các dữ liệu đó cho các bộ phận trong đơn vị cũng như ngoài đơn vị.

- Tham mưu, tổng hợp chuyển đổi số liên quan đến lĩnh vực.

4. Phòng Pháp chế Thanh tra:

- Tổ chức tuyên truyền pháp luật, tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cho các cơ sở kinh doanh giống, phân bón, thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch quản lý, thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh dựa trên cơ sở hệ thống số hóa.

- Thực hiện công tác quản lý về thuốc Bảo vệ thực vật, phân bón và giống cây trồng bằng dữ liệu số, chia sẻ kết nối các dữ liệu đó cho các bộ phận trong đơn vị cũng như ngoài đơn vị.

5. Trạm Trồng trọt và BVTV các huyện/thị xã/thành phố:

- Phối hợp với các phòng Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Pháp chế Thanh tra, Hành chính Tổng hợp, trạm Kiểm dịch thực vật nội địa, phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế các huyện thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

- Thực hiện công tác quản lý về Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tại địa phương quản lý bằng dữ liệu số, chia sẻ kết nối các dữ liệu đó cho các bộ phận trong đơn vị cũng như ngoài đơn vị./.

Nơi nhận:

- Sở NN và PTNT;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Idesk các phòng, trạm của CC;
- Lưu: VT, TTPC (D. 25b).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Hắc Hiên

DANH MỤC DỰ ÁN, KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

STT	Nội dung, Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Thời gian thực hiện	Dự toán kinh phí		Tổng kinh phí	Nguồn vốn
						Trung hạn	Khác		
1	Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu viễn thám phục vụ công tác chỉ đạo phòng chống sinh vật gây hại lúa và xác định diện tích lúa bị gây hại tại một số huyện trồng lúa đại diện cho các vùng sinh thái sản xuất lúa chuyên canh, hàng hóa khác nhau ở Đắk Lắk	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phòng Bảo vệ thực vật)	- Cục Bảo vệ thực vật; - Trung tâm Vũ trụ Việt Nam trực thuộc Viện Khoa học Công Nghệ Việt Nam; - Trung tâm phần mềm thủy lợi thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt nam.	Dự án tiếp chuyển	3 năm	-	-	5,4 tỷ đồng	-
2	Đề án xây dựng hệ thống mã số vùng trồng cho một số cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030	Chi cục Trồng trọt và BVTV (Trạm KDTV nội địa)	- Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, Thị xã và Thành phố	Dự án mới	4 năm	-	-	3 tỷ	Từ nguồn ngân sách Tỉnh

3	Xây dựng kế hoạch triển khai phần mềm quản lý ngành hàng cà phê Đắk Lắk thực hiện việc quản lý, cập nhập, truy xuất nguồn gốc cà phê	Chi cục Trồng trọt và BVTV (Phòng Trồng trọt)	- Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, Thị xã và Thành phố	Dự án mới	2 năm	-	-	2,8 tỷ	Từ nguồn ngân sách Tỉnh
4	Xây dựng đề án phần mềm quản lý Chấm công, ngày giờ công	Chi cục Trồng trọt và BVTV (Phòng Hành chính, tổng hợp)	- Các đơn vị trực thuộc Chi cục	Dự án mới	5 năm	-	-	2 tỷ	Từ nguồn ngân sách Tỉnh
5	Xây dựng kế hoạch triển khai phần mềm tra cứu về danh mục thuốc BVTV, phân bón được phép sử dụng, lưu hành tại Việt Nam	Chi cục Trồng trọt và BVTV (Phòng Thanh tra, pháp chế)	- Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, Thị xã và Thành phố	Dự án mới	5 năm	-	-	2 tỷ	Từ nguồn ngân sách Tỉnh

MỘT SỐ NỘI DUNG PHỐI HỢP TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV									
6	Ứng dụng phần mềm AutoAgri trong lĩnh vực Trồng trọt và BVTV	Chi cục Trồng trọt và BVTV	- Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, Thị xã và Thành phố	Dự án mới	5 năm				Từ nguồn ngân sách và xã hội hoá
7	Thiết lập cơ sở dữ liệu hộ nông dân theo ngành hàng chủ lực, cơ sở dữ liệu theo THT/HTX, cơ sở dữ liệu các sản phẩm ocop, các cơ sở cung ứng vật tư, thu mua nông sản, dịch vụ nông nghiệp;	Phòng nông nghiệp	Hội nông dân huyện	Dự án mới	5 năm				Từ nguồn ngân sách và xã hội hoá
8	Số hóa cơ sở dữ liệu hộ nông dân – lựa chọn phần mềm phù hợp. Kết nối kinh tế hợp tác, kết nối Cung-Cầu, liên kết chuỗi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Công thương, Sở TTTT, Sở KH-CN	Dự án mới	5 năm				Từ nguồn ngân sách và xã hội hoá

9	Số hóa cơ sở dữ liệu về chuyên ngành trồng trọt, BVTV , chăn nuôi, thú y trên cùng phần mềm với Hộ nông dân/THT/HTX	Sở Nông nghiệp và PTNT	Hội Nông dân	Dự án mới	5 năm				Từ nguồn ngân sách và xã hội hoá
10	Thiết lập báo cáo thống kê từ cơ sở hộ nông dân đã số hóa theo các tiêu chí của quản lý ngành .	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ban ngành , Hội nông dân	Dự án mới	5 năm				Từ nguồn ngân sách và xã hội hoá
11	Chuyển đổi số đồng bộ cơ sở dữ liệu giữa Hộ dân/THT/HTX với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp cùng phần mềm	UBND tỉnh	Các sở ban ngành , Hội nông dân	Dự án mới	5 năm				Từ nguồn ngân sách và xã hội hoá
12	Chuyển đổi số kết nối các cơ quan quản lý với nông hộ/THT/HTX	Sở Nông nghiệp	Sở công thương, Cục thuế, Hải quan...	Dự án mới	5 năm				Từ nguồn ngân sách và xã hội hoá

13	Chuyển đổi số toàn diện giữa Chính quyền – các sở ban ngành – Nông hộ/THT/HTX/DN	UBND tỉnh	Các sở ban ngành , Hội nông dân	Dự án mới	5 năm				Từ nguồn ngân sách và xã hội hoá
14	Nâng cao năng lực cạnh tranh , nâng cao hiệu quả kinh tế nông nghiệp.	UBND tỉnh.	Các sở ban ngành , Hội nông dân	Dự án mới	5 năm				Từ nguồn ngân sách và xã hội hoá